TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 5 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Phạm Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn 1, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Xuân Đ, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn Đ, xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 01 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ qua tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới theo phong tục và làm đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Q (nay là xã X) vào ngày 03/01/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được gần 3 năm, nhưng giữa vợ chồng không có tình cảm, do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, nên giữa vợ chồng hay

xảy ra cãi vã, anh Đ thường xuyên chửi bới chị, đuổi chị ra khỏi nhà. Đầu năm 2021 do không thể chịu đựng được, nên chị đã đem con đi miền Nam làm ăn, sau đó về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, không còn quan hệ tình cảm gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa vợ chồng không có, nên chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị Th xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Minh Tr, sinh ngày 19/10/2018; con hiện đang ở với chị, anh Đ thỉnh thoảng có đón về nhà ông bà nội chơi. Ly hôn, quan điểm chị Th là xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị Th xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/01/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Lê Xuân Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Th lấy nhau do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới và làm đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Quang (nay là xã X) vào ngày 03/01/2018. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Đến đầu năm 2021 vợ chồng có bàn nhau đi miền Nam làm ăn; sau đó chị Th đem con đi vào trước, còn anh vào sau. Khi anh thu xếp vào được thì chị Th bảo không phải vào nữa, tuy nhiên anh vẫn vào tìm chị Th, nhưng không gặp được, vì chị Th cố tình giấu địa chỉ. Anh có nhiều lần gọi điện thì chị Th không nói chuyện với anh, mà chỉ đưa máy cho con nói chuyện, nên hai vợ chồng không gặp được nhau. Vợ chồng mặc dù đã ly thân hơn 01 năm, nhưng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, anh vẫn còn thương yêu vợ con, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Đ xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Minh Tr, sinh ngày 19/10/2018; con hiện đang do hai vợ chồng cùng chăm sóc. Quan điểm anh Đ là nếu Tòa án giải quyết ly hôn, thì anh xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh Đ xác định là vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 21/4/2022, đại diện Ủy ban nhân xã Tây Hồ cho biết: Chị Đỗ Thị Th và anh Lê Xuân Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Quang (nay là xã X) vào ngày 03/01/2018. Chị Th và anh Đ có 01 con chung là cháu Lê Thị Minh Tr, sinh ngày 19/10/2018, hiện nay đang ở với chị Th. Hiện nay chị Th đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã X ở; anh Đ vẫn ở xã Tây Hồ. Qúa trình vợ chồng chung sống với nhau tại địa phương, giữa chị Th và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn hay không, mâu thuẫn thế nào địa phương không biết được.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và

Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Th được ly hôn với anh Lê Xuân Đ. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thị Minh Tr, sinh ngày 19/10/2018 cho chị Đỗ Thị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Lê Xuân Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Anh Lê Xuân Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Chị Đỗ Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị Th khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Lê Xuân Đ, cư trú tại: Thôn Đồng Nãi, xã Tây Hồ, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Th và anh Lê Xuân Đ tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân Quang (nay là xã X) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/01/2018, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Đ là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó từ đầu năm 2021 thì tình cảm giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, giữa vợ chồng không có sự tin tưởng, tôn trọng, chia sẻ lẫn nhau, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Từ đầu năm 2021 vợ chồng đã sống ly thân đến nay, không còn qua lại quan tâm đến nhau. Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần, nhưng chị Th vẫn một mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; còn anh Đ có ý kiến không đồng ý ly hôn, nhưng anh Đ không thể hiện được mong muốn hàn gắn tình cảm giữa vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Th, xử cho chị Đỗ Thị Th được ly hôn với anh Lê Xuân Đ.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị Th và anh Lê Xuân Đ đều xác định vợ chồng

có 01 con chung là cháu Lê Thị Minh Tr, sinh ngày 19/10/2018.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị Th và anh Đ, thấy rằng: Chị Th và anh Đ đều có công việc, thu nhập ổn định, đủ các điều kiện để được trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, xét con chung là cháu Minh Tr hiện đang còn nhỏ, mới hơn 3 tuổi; hơn nữa lại là con gái, đang ở độ tuổi phát triển về thể chất và sinh lý nữ, nên việc giao con cho chị Th nuôi dưỡng sẽ có nhiều thuận tiện hơn trong việc chăm sóc và chia sẽ với con; Nếu giao con cho anh Đ nuôi dưỡng sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc chăm sóc. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần thiết giao con chung cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th khẳng định có đủ điều kiện để nuôi con và có ý kiến không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị Th và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đo, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Đỗ Thị Th và anh Lê Xuân Đ đều có ý kiến thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Th được ly hôn với anh Lê Xuân Đ.

2. Về con chung: Chị Đỗ Thị Th và anh Lê Xuân Đ có 01 (một) con chung là cháu Lê Thị Minh Tr, sinh ngày 19/10/2018.

Giao con chung là cháu Lê Thị Minh Tr cho chị Đỗ Thị Th được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Lê Xuân Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Xuân Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Th đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014105 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Đỗ Thị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến